CÔNG TY CỔ PHẦN **CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Số: **05** /BC-CĐTĐ-HĐQT*	*TP. Hồ Chí Minh, ngày **23** tháng **03** năm **2021***

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức

Năm 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế số: 0301824508.
- Vốn điều lệ: 152.973.330.000 đồng (Một trăm năm mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 152.973.330.000 đồng (Một trăm năm mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).
- Địa chỉ: Km số 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.22144647
- Số fax: 028.38.963159
- Website: www.codientd.com
- Email: codientd@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: EMC

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tiền thân là Nhà Máy Sửa Chữa Cơ Điện - là một doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Công ty Điện lực 2, được thành lập từ năm 1976. Năm 1996 đổi tên thành Nhà Máy Cơ Điện. Đến tháng 6/1999, tách khỏi Công Ty Điện Lực 2 và trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 31/1999/QĐ-BCN ngày 03/06/1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam, và đổi tên thành Công ty Cơ điện Thủ Đức.

- Theo Quyết định số 337/QĐ-BCN, ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp; Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 15/10/2007 của Bộ Công Thương Công Ty Cơ Điện Thủ Đức được duyệt phương án cổ phần hoá chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần.

- Sau khi tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, ngày 02/01/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần, trong đó Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) giữ 40,05 % vốn điều lệ (đến thời điểm 31/12/2016).

- Ngày 29/11/2012, theo Quyết định chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số: 128/QĐ-SGDHCM, ngày 31/8/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, CTCP Cơ điện Thủ Đức đã chính thức đăng ký niêm yết 8.073.000 cổ phiếu của Công ty giao dịch chứng khoán trên sàn TP.HCM (HoSE), với mã chứng khoán EMC.

- Năm 2016, Theo giấy chứng nhận số 10/GCN-UBCK ngày 04/02/2016, Công ty phát hành thành công 3.400.000 cổ phần ra công chúng và đã niêm yết bổ sung trên sàn HoSE. Đồng thời, Công ty cũng đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 ngày 20/06/2016 tăng vốn điều lệ từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng.

- Đến cuối tháng 3/2018, thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ngành Điện, Tập đoàn Điện lực Việt nam đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại CTCP Cơ điện Thủ Đức (40,05 % vốn Điều lệ) theo phương thức khớp lệnh trên sàn chứng khoán HoSE.

- Năm 2019, theo giấy chứng nhận số 19/GCN-UBCK ngày 20/03/2019, Công ty phát hành thành công 3.824.333 cổ phần ra công chúng và đã niêm yết bổ sung trên sàn HoSE. Đồng thời, Công ty cũng đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 7 ngày 12/07/2019 tăng vốn điều lệ từ 114.730.000.000 đồng lên 152.973.330.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Kinh doanh và XNK máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Xây lắp công trình điện công nghiệp và dân dụng đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại; Khai thác, xây dựng công trình nhà máy thuỷ điện vừa và nhỏ; Kinh doanh bất động sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển…

2.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên phạm vi cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

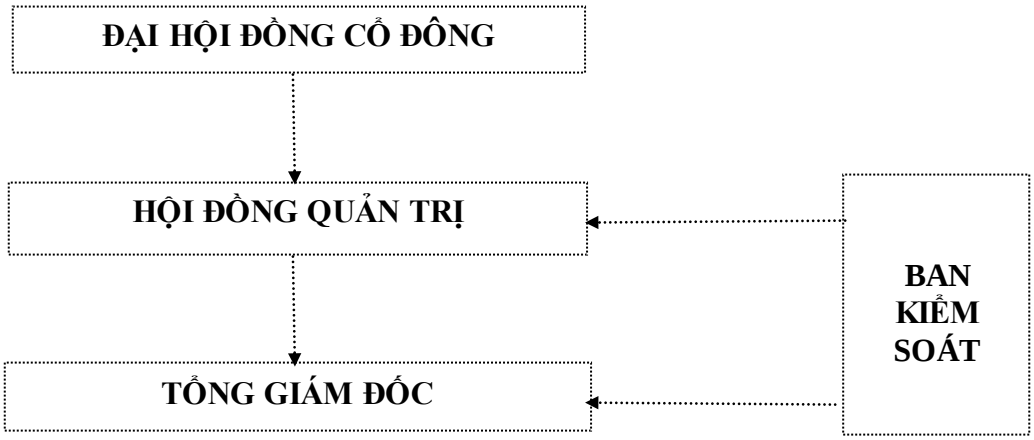

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

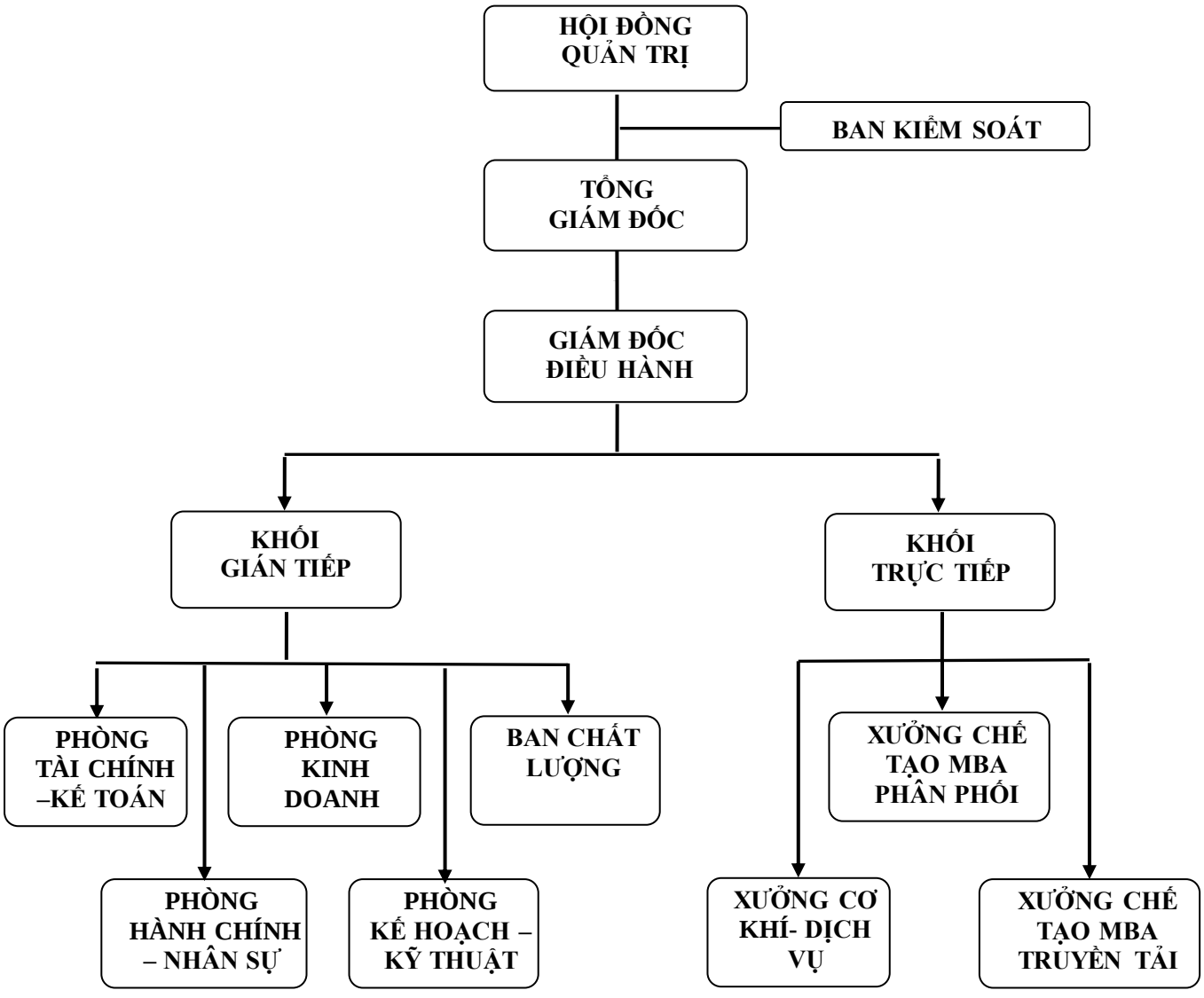

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh theo các chức năng kinh doanh của Công ty nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, thực hiện các công tác xã hội và phát triển Công ty ngày càng phát triển bền vững, cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư để phát triển các sản phẩm, hàng hóa trong nước sản xuất được.

- Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Coi trọng và ưu tiên mọi nguồn lực của Công ty cùng với sự quan tâm của Nhà nước, các cấp Bộ ngành để đầu tư xây dựng mới, cải tạo nhà xưởng, mua sắm các thiết bị công nghệ mới hiện đại phục vụ cho công tác thiết kế, chế tạo thử nghiệm sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm đã sản xuất được và phát triển nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là máy biến áp phân phối siêu tổn thất và máy biến áp lực dung lượng tới 63MVA – điện áp110KV.

- Liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm có chất lượng cao mà trong nước chưa sản xuất được. Nhập khẩu các công nghệ và thiết bị sản xuất hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

4.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Đầu tư công nghệ và trang bị thêm thiết bị hiện đại, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng phù hợp với đa dạng đối tượng khách hàng trên cơ sở phát triển nguyên vật liệu sẵn có trong nước. Cải tiến, nâng cấp mẫu mã, chất lượng và nhãn mác sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm trong nước và ngoài nước, tập trung đầu tư vào các vùng thị trường còn thiếu, còn yếu. Nâng cao thị phần cung cấp thiết bị cơ khí- thiết bị điện trong cả nước và tăng cường công tác xuất khẩu. Từng bước áp dụng phương thức phân phối hiện đại kết hợp hệ thống phân phối truyền thống hiện có. Chú trọng vào công tác chống giả mạo, mượn danh nghĩa và bảo vệ thương hiệu EMC của Công ty.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và năng lực cạnh tranh để tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

- Công ty sẽ tập trung vào công tác hỗ trợ khách hàng và thực hiện tốt dịch vụ hậu mãi; có chiến lược kinh doanh linh hoạt, nhất là đối với những khách hàng có doanh thu tốt đảm bảo chính sách bán hàng của Công ty trong từng thời kỳ.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Tiếp tục thực hiện và duy trì tốt hệ thống quản lý lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tích cực tham gia bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng những nguyên vật liệu sạch, thân thiện với môi trường; đồng thời hoàn thiện, nâng cấp hệ thống trang thiết bị xử lý hệ thống nước thải, vệ sinh môi trường. Duy trì các hoạt động xã hội và hợp tác chặt chẽ với các đơn vị, khách hàng, để công tác phục vụ cộng đồng và người dân ngày càng tốt hơn .

5. Các rủi ro:

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các mục tiêu cua của Công ty:

5.1. Rủi ro về kinh tế và tăng trưởng kinh tế:

Sự biến động của lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

Là một doanh nghiệp hoat động chính trong lĩnh vực chế tạo các loai máy biến áp (trong đó nguyên vật liệu chính để sản xuất chiếm tỷ lệ 60% phải nhập khẩu) nên có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô trong nước có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ quá trình phát triển của Công ty.

5.2. Rủi ro lạm phát:

Năm 2020, lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục có mức tăng thấp (khoảng 2%) nhưng vẫn có một số nhân tố có thể gây lạm phát khó lường như tín dụng tăng trưởng cao hơn, gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp về cả mặt bằng đầu vào và đầu ra cũng như các hoạch định chiến lược của các doanh nghiệp và của Công ty.

5.3. Rủi ro lãi suất:

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính vì thế, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến tình kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Công ty qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

5.4. Rủi ro về luật pháp:

Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên rủi ro pháp lý

là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi Công ty phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

5.5. Rủi ro về nguồn nguyên liệu:

Các loại vật liệu chính như tôn tấm, tôn silic, thép vô định hình amorphous, dây điện từ, đồng, dầu biến thế, xăng dầu... Công ty sử dụng chủ yếu được mua lại từ các Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện công tác nhập khẩu trực tiếp vật tư nguyên liệu chủ yếu để sản xuất dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Đồng thời, Công ty cũng có dự báo và kế hoạch nguồn nguyên liệu dự trữ linh hoạt, đặc biệt là nguyên liệu chính để chủ động trong sản xuất.

5.6. Rủi ro về tỷ giá:

Trong hoạt động kinh doanh chung, Công ty thực hiện công tác sản xuất một phần phải nhập khẩu nguồn nguyên vật liệu từ nước ngoài. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu của Công ty chủ yếu được mua từ các nước G7, Nhật, Nga ... Việc thanh toán tiền hàng được sử dụng bằng các ngoại tệ như USD, EUR, JPY... Do vậy bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.7. Rủi ro về sản lượng và tiêu thụ sản phẩm:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa vào một phần của công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm của các khách hàng trong ngành Điện, khách hàng công nghiệp địa phương...trong các năm tới. Do đó, nếu có yếu tố khách quan hoặc bất khả kháng nào làm sản lượng, sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm thực tế thấp hơn dự báo cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

5.8. Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh covid-19…, là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoat động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hai từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hóa thành phẩm tồn kho và bảo hiểm con người.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.701	423.086	621.419
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	32	1.548	4.008
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	632	1.249	1.128
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty.	632	1.249	1.128
1	Tăng trưởng doanh thu thuần	13,7%	43,6%	46,8%
2	Tăng trưởng lợi nhuận HĐKD	-98,6%	4.737,5%	158,9%
3	Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-47,2%	97,6%	-9,7%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018-2020

Trong năm 2020, mặc dù viễn cảnh kinh tế trong nước và ngành Công nghiệp nói riêng có thể thuận lợi nhưng vẫn còn tồn tại những rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Dư nợ dự phòng lớn trong khu vực công, khó khăn của nền kinh tế trong nước và ngành sản xuất cơ khí nói riêng, đã có ảnh hưởng đến sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất thiết bị cơ khí điện như Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức. Tuy nhiên, bằng nổ lực của tập thể người lao động, sự quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Công ty đã linh hoạt vận dụng các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp tại từng thời điểm để cố gắng đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Năm 2020, nhiều yếu tố trong giá thành phải điều chỉnh tăng theo quy định của nhà nước (như: giá tiền điện, lương tối thiểu để trích đóng BHXH-BHYT, tiền thuế nhà đất ...) làm ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí giá vốn chung của Công ty.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn như đã nêu, nhưng Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã quyết tâm vượt qua, đã tìm kiếm và thực hiện nhiều giải pháp kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí để bù đắp những chi phí gia tăng. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông 2020 giao cho, cụ thể:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty đạt 621.419 triệu đồng, tăng 46,8% so với năm 2019.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 1.128 triệu đồng, giảm -9,7% so với năm 2019.

1.2. Tình hình biến động các khoản chi phí:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	264.850	397.644	586.763
2	Chi phí bán hàng	8.353	10.334	14.626
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.959	10.560	10.098
4	Chi phí tài chính	6.755	5.435	5.956
5	Chi phí khác	52	539	946
	Tổng chi phí	294.969	424.512	612.433
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/DTT	90%	94%	94.4%
2	Chi phí bán hàng/DTT	3%	2%	2.4%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT	5%	3%	2%
4	Chi phí tài chính/DTT	2%	1%	1%
5	Chi phí khác/DTT	0%	0%	0.2%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- **Ông: BÙI PHƯỚC QUÃNG** ***Tổng Giám đốc***

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, trong đó:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước (EVN): 0 cổ phần

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
02/1992	10/1992	Nhân viên phòng Tài vụ – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện.
11/1992	07/1996	Nhân viên phòng KHKT – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện
07/1996	11/1999	Phó Trưởng phòng Kinh doanh – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện
11/1999	03/2000	Phó Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
03/2000	04/2000	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chánh – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
04/2000	10/2000	Chánh Văn phòng – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
10/2000	10/2004	Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
11/2004	05/2014	Kế toán trưởng Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức

05/2014	07/2015	Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức
07/2015	nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức

- **Bà: LÊ THỊ NGỌC ÁNH : Kế toán Trưởng**

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
06/2020	Đến nay	Kế toán tổng hợp, Kế toán Trưởng CTCP Cơ Điện Thủ Đức

- **Bà: NGUYỄN THỊ LOAN : *Phụ trách Phòng Kế toán – Tài chính***

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
11/2019	Đến tháng 05/2020	Phó phòng, Phụ trách phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2020, nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc/ Giám đốc điều hành; Bà Lê Thị Ngọc Ánh- được bổ nhiệm Kế toán Trưởng thay thế Bà Nguyễn Thị Loan, thôi nhiệm Phụ trách Phòng KTTC, được ĐHĐCĐ- Ban kiểm soát bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động tại thời điểm 31/12/ 2020 là: 128 người

Trong đó:

+ Trên Đại học: 03

+ Đại học: 38

+ Cao đẳng, trung cấp: 18

+ Công nhân: 54

+ Lái xe: 7

- Chính sách đối với người lao động:

*** *Chính sách đào tạo:***

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV và triển khai thực hiện nghiêm túc, cụ thể như sau:

+ Đào tạo nhân viên mới với mục đích để nhân viên mới nhanh chóng nắm bắt công việc và hòa nhập vào môi trường làm việc của Công ty. Giới thiệu về Công ty và sản phẩm của Công ty, thỏa ước lao động, nội quy lao động, an toàn lao động, chức năng nhiệm vụ theo mô tả công việc của từng CBCNV, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

+ Huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu,…

+ Đào tạo kỹ năng quản trị cho CBCNV cấp trung.

+ Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ như: bán hàng, kỹ năng giao tiếp, quản lý kho, quản lý chất lượng sản phẩm.

+ Đào tạo cho công nhân mới, đào tạo nâng bậc, và đào tạo công nghệ mới cho công nhân cũ,…

**** Chính sách tiền lương, thưởng:***

+ Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với ngàng nghề hoạt động, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tương xứng với trình độ, công việc, năng lực và mức độ đóng góp cũng như sáng tạo của từng người, tạo được sự công bằng, động viên, khuyến khích CBCNV hăng say làm việc, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Công ty trả lương cho CBCNV theo đơn vị sản phẩm sản xuất ra và tiêu thụ trong tháng, quý, năm trên cơ sở vị trí công việc và đánh giá kết quả công việc của từng người trong tháng.

**** Các chế độ, chính sách khác với người lao động:***

+ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hằng năm cho CBCNV để phát hiện bệnh lý kịp thời chăm sóc và điều trị.

+ Công ty luôn chú trọng đến công tác Bảo hộ lao động, công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

+ Công ty rất quan tâm đến môi trường và điều kiện làm việc của người lao động: trang đầy đủ phương tiện làm việc, bảo hộ lao động, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm bụi, giảm tiếng ồn, phụ cấp cho người lao động trong môi trường nặng nhọc, độc hại…

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2020: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020, Công ty đã tiếp tục đầu tư thêm hệ thống các trang thiết bị, nâng cấp dây chuyền sản xuất - chế tạo MBA truyền tải và Phòng Thí nghiệm cao áp của Công ty, với nguồn vốn đầu tư hơn 25 tỷ đồng. Chính nhờ những thiết bị được tăng cường này, năm 2020 năng suất lao động của Công ty đã tăng cao rõ rệt, chất lượng thành phẩm xuất xưởng ổn định, tạo được uy tín thương hiệu EMC đối với các khách hàng trong và ngoài Ngành Điện.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	*Năm 2019*	*Năm 2020*	*% tăng/giảm*

Tổng giá trị tài sản	342.383	458.208	33,8%
Doanh thu thuần	423.086	621.419	46,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.548	4.008	158,9%
Lợi nhuận khác	74	-765	-1.033,8%
Lợi nhuận sau thuế	1.249	1.128	-9,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	*Năm 2019*	*Năm 2020*	*Ghi chú*
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.34	1.54	
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.37	0.57	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	53.06%	64.80%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	113.13%	184.10%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2.25	3.14	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.24	1.35	
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.29%	0.18%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.78%	0.70%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.36%	0.25%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.37%	0.64%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2020, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

** Tổng số cổ phần*: **15.297.333** *(Mười năm triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi ba cổ phần).*

** Mệnh giá cổ phần:* 10.000 đồng/cổ phần.

** Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:* 15.297.333 cổ phần.

** Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng*: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

STT	Loại hình sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	*Cá nhân*
1	**Cổ đông nhà nước:** Tập đoàn điện lực Việt Nam.	0	0%	0		
2	**Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI**	0	0%	0		
	- *Trong nước*					
	- *Nước ngoài*					
3	**Cổ đông lớn:**	**14.462.203**	**94,54%**	**7**		**7**
	- *Trong nước*	**14.462.203**	94,54%	7		7
	- *Nước ngoài*					
4	**Cổ đông nhỏ:**	**835.130**	**5,46%**	**672**		**672**
	- *Trong nước*	835.130	5,46%	672		672
	- *Nước ngoài*					
	Tổng cộng	**15.297.333**	**100%**	**679**		**679**

(Ghi chú: Theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 16/03/2020 do VSD cung cấp)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ cuối tháng 03/2018, trong cơ cấu vốn sở hữu CTCP, Công ty đã thoái hết toàn bộ phần vốn nhà nước (trước đây do EVN nắm giữ).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.4. Các chứng khoán khác: *Không có.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Bao gồm gỗ và giấy, tổng giá trị không lớn chiếm dưới 0,5% giá thành.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ:

- Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong năm 2020, bình quân khoảng: 850.000 Kw/h.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có.*

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp; Tiêu thụ bình quân: 20 m^3/ngày.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn chịu sự kiểm tra và giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường. Công ty cũng đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 20m^3/ngày. Trong năm 2020, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân năm 2020: 120 người, với mức thu nhập bình quân đối với người lao động: 12.000.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên để xác định bệnh nghề nghiệp, xác định mức sức khỏe để có biện pháp chữa trị kịp thời. Cấp phát bảo hộ lao động đầy đủ và kịp thời tới từng bộ phận sản xuất. Môi trường sản xuất không bị vi phạm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo CNKT trung bình mỗi năm: từ 20 đến 30 giờ.

- Đối với cán bộ nghiên cứu, thiết kế, phát triển công nghệ: cho tham gia các hội thảo chuyên ngành.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Luôn tham gia đóng góp khi địa phương có yêu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Theo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ

chính gồm: (1). Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (2). Xanh hoá sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh; (3). Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, trong đó việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có hành động cụ thể, thiết thực góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn sản xuất thân thiện đến môi trường. Cụ thể là từ năm 2008 đến nay, Công ty đầu tư dây chuyền và đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu Amorphous, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/ KH2020	Thực hiện 2019	TH2020/ TH2019
1	Doanh thu thuần	510.000	621.419	121.85%	423.086	146,87%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.000	1.128	56.4%	1.249	90,31%
3	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) (đồng)		73		149	48,99%

Trong năm 2020 lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 56,4% kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đề ra. Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch do chi phí thuế TNDN trong năm năm 2020 tăng. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 1.128 triệu đồng.

Cơ cấu doanh thu 2018-2020:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2018		2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ bán hàng	292.483	99%	422.038	99%	621.419	100%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.218	1%	1.049	1%	0	0%
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0%	0	0%	0	0%
Tổng	**294.701**	**100%**	**423.086**	**100%**	**621.419**	**100%**

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2018-2020:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2018		2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng

LN gộp từ hoạt động bán hàng	27.820	93%	25.071	98%	34.656	100%
LN gộp từ cung cấp dịch vụ	2.030	7%	371	2%	0	0%
Tổng	**29.850**	**100%**	**25.442**	**100%**	**34.656**	**100%**

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu 2018-2020:

Khoản mục	2018	2019	2020
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu hoạt động bán hàng	9,5%	5,9%	5,5%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu cung cấp dịch vụ	91,5%	35,4%	0%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu	10,1%	6%	5,5%

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức đạt 458,2 tỷ đồng, tăng 115,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 34% so với năm 2019. Xét về mặt cơ cấu thì tài sản ngắn hạn tăng 46% chiếm 77,6% tổng tài sản và tài sản dài hạn tăng 4% chiếm 22,4% tổng tài sản.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thì tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 7,3% tăng 93%, các khoản phải thu chiếm 39% tăng 300%, hàng tồn kho chiếm 52% tăng 6%, tài sản ngắn hạn khác chiếm 1,1% giảm 43% so với cùng kỳ.

Đối với cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định chiếm 86% tăng 4% và đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào công ty liên kết) chiếm 0,3% so với cùng kỳ.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2020		2019		Tăng/ (giảm) so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**355.391**	**77.6%**	**243.603**	**71%**	**111.788**	**37.7%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	25.915	7.3%	13.401	5.5%	12.514	93.4%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	940	0.3%	0	0%	940	100%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	137.825	39%	46.265	19%	91.560	197,9%
IV. Hàng tồn kho	186.747	52.4%	176.943	72.6%	9.804	5.5%
V. Tài sản ngắn hạn khác	3.962	1%	6.992	2.9%	-3.030	-56.7%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**102.816**	**22.4%**	**98.779**	**29%**	**4.037**	**4.1%**
I. Các khoản phải thu	0	0%	24	0%	-24	-100%

dài hạn						
II. Tài sản cố định	89.028	86.6%	85.637	86.7%	3.391	3.9%
III. Tài sản dở dang dài hạn	3.290	3.2%	4.108	4.2%	-818	-20%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	249	0.3%	300	0.3%	-51	-17%
V. Tài sản dài hạn khác	10.248	9.9%	8.709	8.8%	1.539	17.7%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**458.208**	**100%**	**342.383**	**100%**	**115.825**	**33.8%**

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2020 là 296,92 tỷ đồng chiếm 64,9% tổng nguồn vốn, tăng 116,4 tỷ đồng tương đương với tăng 64% so với năm 2019. Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản nợ thương mại như phải trả cho người bán 174,63 tỷ đồng, người mua trả tiền trước 2,04 tỷ đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 0,517 tỷ và vay của các Ngân hàng thương mại 111,46 tỷ đồng.

Tổng nợ vay của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2020 là 111,46 tỷ đồng.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2020		2019		Tăng/ giảm so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
C. NỢ PHẢI TRẢ	**296.925**	**65%**	**181.660**	**53%**	**115.265**	**64%**
I. Nợ ngắn hạn	296.917	100%	181.652	100%	115.625	64%
II. Nợ dài hạn	8	0%	8	0%	0	0%
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**161.282**	**35%**	**160.722**	**47%**	**492**	**0.3%**
I. Vốn chủ sở hữu	161.282		160.722	100%	492	0.3%
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	0%	0	0%	0	0%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**458.208**	**100%**	**342.383**	**100%**	**116.893**	**34%**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2020, Công ty xác định mô hình của công ty là Công ty cổ phần tư nhân, tổ chức sắp xếp lại lực lượng lao động trực tiếp vả gián tiếp phù hợp theo hướng tinh gọn, tiết giảm chi phí, giảm các cấp quản lý trung gian, giảm chồng chéo công việc, chức năng giữa các bộ phận, nâng cao năng suất lao động. Quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh- tài chính bằng phần mềm tiên tiến nên đã kiểm soát tốt kết quả kinh doanh- quản lý vật tư và công tác tài chính - lao động tiền lương… để từng bước đưa hoạt động quản lý, tổ chức kinh doanh của Công ty theo mô hình các Công ty sản xuất thiết bị điện tiên tiến trong khu vực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong năm 2021 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chương trình tái cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, đầu tư trang thiết bị theo hướng công nghệ hiện đại tiên tiến để Công ty kinh doanh hiệu quả. Công ty vẫn xây dựng lĩnh vực hoạt động cốt lõi là sản xuất thiết bị điện với sản phẩm chính là máy biến áp truyền tải và phân phối các loại, cụ thể:

4.1. Về công tác sản xuất

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các hệ thống, dây chuyền sản xuất máy biến áp phân phối, truyền tải, dây chuyền sản xuất cơ khí và máy móc thiết bị trong hệ thống theo kế hoạch đã đặt ra, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

+ Chất lượng sản phẩm:

Tìm các giải pháp quản lý chất lượng toàn diện từ khâu sản xuất đầu tiên đến khâu cuối cùng. Theo đó, cần kiểm soát chặt chẽ công tác thiết kế, thu mua vật tư, nguyên liệu đầu vào, đặc biệt đối với các nguyên liệu chính như: sắt thép, tole silic, dầu cách điện, sứ cách điện. Đồng thời, nghiêm túc thực hiện đúng quy trình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các công đoạn sản xuất.

4.2. Về công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Căn cứ theo phản ứng của khách hàng/thị trường Công ty xem xét và ra quyết định đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu amorphuos, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường; đầu tư dây chuyền sản xuất máy biến áp truyền tải 110KV-220KV.

4.3. Về công tác bán hàng

Triển khai công tác hỗ trợ khách hàng tiêu thụ bằng cách tiếp cận, quảng bá sản phẩm của Công Ty đối với nhiều đối tượng khách hàng theo vùng miền, phân theo khu vực; thường xuyên thăm dò ý kiến phản hồi của khách hàng.

Tiếp tục tìm kiếm các nhà phân phối/đại lý tiêu thụ có đủ tiềm lực tham gia vào kênh phân phối của công ty.

Tập trung quảng bá, chào bán các loại sản phẩm mới/có nhiều tính năng ưu việt dự kiến sản xuất ra thị trường. Đánh giá phản hồi từ phía khách hàng từ đó định hướng cơ cấu sản phẩm cho sản xuất.

Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt đảm bảo tiêu thụ được và không làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã đặt ra.

Gia tăng hiệu quả công tác hậu mãi, chăm sóc khách hàng để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

4.4. Công tác quản trị chi phí

Tiếp tục khai thác kết quả nghiên cứu tiết giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất/ trong công tác thiết kế kỹ thuật.

Rà soát chi phí sản xuất, trong đó tập trung kiểm soát các chi phí có giá trị lớn như: chi phí vật tư, chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị định kỳ trong Công Ty, chi phí bảo hành, bảo trì sản phẩm, chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đăng ký.

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm tối đa văn phòng phẩm, các thiết bị, trang cụ lao động tại các đơn vị trực thuộc và ở cấp độ Công Ty.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ qui trình mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào..

- Rà soát lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức giao khoán tiền lương, các qui chế khoán quản lý trong kinh doanh, trong từng công đoạn sản xuất.

4.5. Công tác quản lý và điều hành

Thực hiện điều hành sản xuất theo thị trường một cách linh hoạt để sản xuất các mặt hàng đáp ứng yêu cầu thị trường và thị hiếu khách hàng,

Theo dõi chặt chẽ tình trạng công nợ bị chiếm dụng vốn, rà soát các tài sản chưa đưa vào sử dụng, tài sản không sử dụng để thanh lý thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD.

Rà soát, xây dựng định mức tiêu hao vật tư trong sản xuất, trên cơ sở tiết giảm chi phí, phấn đấu thực hiện thấp hơn KH SXKD năm 2020 Công ty đã thực hiện.

Duy trì việc minh bạch, công khai hoá toàn bộ các mặt hoạt động SXKD trong công ty.

4.6. Công tác đầu tư XDCB năm 2021 để đạt được mục tiêu đề ra.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra, Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức sẽ tiếp tục hoàn thiện các hạng mục đầu tư dở dang của năm 2020 chuyển sang; đồng thời khai thác triệt để các lợi thế sẵn có của các công trình đã được đầu tư từ các dự án trước đây của Công Ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: *Không có*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Để giảm thiểu các tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội, Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất, cụ thể:

- Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
- Các công trình xử lý môi trường trong quá trình sản xuất như xử lý nước thải, thu gom rác, chất thải thường xuyên đảm bảo hoạt động.
- Thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình sản xuất.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, cũng như vận hành các hệ thống xử lý nhằm khống chế đến mức thấp nhất các tác động của tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2020, mọi hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động trong năm 2020 của công ty tuy vẫn còn nhiều khó khăn trong cơ chế thị trường; nhưng Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cùng các đơn vị trong công ty cùng nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua. Nhờ có sự thống nhất cao giữa Hội đồng quản

trị và Ban Tổng Giám đốc, kết quả thực hiện năm 2020 đã cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã có chuyển biến tích cực, năng suất lao động ngày càng tăng cao mặc dù biên chế lao động giảm đáng kể sau quá trình tái cơ cấu; công ty bảo tồn được nguồn vốn và có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã luôn song hành cùng với Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trước tình hình thị trường thiết bị điện còn gặp nhiều biến động, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tính minh bạch trong sản xuất kinh doanh được duy trì và tạo điều kiện cho cổ đông của công ty cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát của mình.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị phù hợp với công ty theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh của công ty trong quá trình kinh doanh, đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên quan như quản trị doanh nghiệp, kiểm soát sản phẩm và quảng bá hình ảnh Công ty để xây dựng và phát triển thương hiệu EMC nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nâng cao vị thế của công ty.

- Quản lý tài chính hiệu quả, chặt chẽ, kiểm soát dòng tiền, làm tăng khả năng quay vòng vốn, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính.

- Tăng cường công tác quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, hướng dẫn hoạt động của Công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (đến 31/12/2020):

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết	Ghi chú
01	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	8	0%	
02	Hồ Đắc Ngọc	Ủy viên HĐQT Độc lập	0	0%	
03	Võ Tiến Dũng	Ủy viên	2.040.546	13,33%	

		HĐQT			
04	Hoàng Minh Bách	Ủy viên HĐQT	3.168.918	20,72%	
05	Nguyễn Văn Thơ	Ủy viên HĐQT Độc lập	0	0%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	25/05/2013	10/10	100%	
02	Ông Hồ Đắc Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập	29/6/2018	10/10	100%	
03	Ông Võ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	27/6/2020	5/10	50%	
04	Ông Hoàng Minh Bách	Thành viên HĐQT	30/12/2016	10/10	100%	
05	Nguyễn Văn Thơ	Thành viên HĐQT độc lập	11/5/2019	10/10	100 %	

- **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2020):**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	02/NQ-CĐTĐ-HĐQT	12/2/2020	Chốt Danh sách cổ đông – tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020.
02	03/NQ-CĐTĐ-HĐQT	12/2/2020	Thay đổi thời gian chốt Danh sách cổ đông – tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020.
03	04/NQ-CĐTĐ-HĐQT	27/2/2020	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty.

04	08/NQ-CĐTĐ-HĐQT	12/6/2020	Công bố thông tin các Dự thảo Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội cổ đông thường niên 2020.
05	09/NQ-CĐTĐ-HĐQT	18/6/2020	Điều chỉnh tỷ lệ cơ cấu vốn đầu tư trong đợt phát hành CP tăng vốn điều lệ 2019.
06	10/NQ-CĐTĐ-HĐQT	27/6/2020	Bổ nhiệm Kế toán Trưởng.
07	11/NQ-CĐTĐ-HĐQT	03/7/2020	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
08	12/NQ-CĐTĐ-HĐQT	07/7/2020	Thông qua Báo cáo công tác quản trị 6 thánh đầu năm 2020
09	13/NQ-CĐTĐ-HĐQT	09/7/2020	Điều chỉnh loại chứng khoán cho cổ đông.
10	BB-CĐTĐ-HĐQT	30/11/2020	Thông qua dự thảo Báo cáo tình hình sử dụng vốn sau phát hành – đã kiểm toán.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Giám sát và phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị- Tổng Giám đốc (theo Điều lệ Công ty).

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Nguyễn Minh Quang – Chủ tịch HĐQT.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2019-2020 do Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tổ chức: Nguyễn Minh Quang – Chủ tịch HĐQT.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
01	Nguyễn Thị Loan	Trưởng ban	0	0%
02	Đoàn Thị Mộng Thúy	Thành viên	0	0%
03	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp

1	Nguyễn Thị Loan	Trưởng Ban	27/6/2020	04/04	100%	
2	Đoàn Thị Mộng Thúy	Thành viên	27/06/2020	04/04	100%	
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	28/06/2018	04/04	100%	

- **Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2020, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp được HĐQT mời tham dự, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện các chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.

- Lãnh đạo của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành.

- Việc banh hành các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật thông qua việc đóng góp ý kiến và dự thảo đã phát huy được tinh thần tập thể. Do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác, quản lý điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch	312			312
2	Hồ Đắc Ngọc	Thành viên	-	-	36	36
3	Võ Tiến Dũng	Thành viên	-	-	18	18
4	Nguyễn Văn Thơ	Thành viên	-	-	36	36
5	Hoàng Minh Bách	Thành viên	-	-	36	36

Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Nguyễn Thị Loan	Trưởng ban	60	-		60
2	Đoàn Thị Mộng Thúy	Thành viên		-	12	12

3	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	-	-	24	24

Ban Điều hành:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Bùi Phước Quãng	Tổng Giám đốc	288			288
6	Đặng Thanh Sơn	Giám đốc điều hành			288	288
7	Lê Thị Ngọc Ánh	Kế toán Trưởng	120			120

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tốt

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán TPP): "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính".

2. ***Báo cáo tài chính được kiểm toán:*** Báo cáo tài chính của Công ty được lưu giữ tại văn phòng Công ty và được công bố trên Website của Công ty tại địa chỉ: http://codientd.com/quan-he-co-dong/ ./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0301824508 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Phước Quãng